

Bản án số: 28/2018/HS - PT

Ngày 30 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Tô Văn Thịnh

Bà Bùi Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2, Tống Đức H và Tống Văn L1, do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2, Tống Đức H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn T1, sinh năm 1988 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú xóm 4, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn Q và bà Tống Thị S; chưa có vợ; không có tiền án, tiền sự; bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2018 đến nay (có mặt).

2. Phạm Ngọc T2 (tên gọi khác Phạm Văn T2), sinh năm 1972 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú xóm 4, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Tống Thị H; vợ Phạm Thị T có 02 con; không có tiền án, tiền sự; nhân thân năm 1994 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản riêng của công dân”; năm 1998 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Tống Đức H, sinh năm 1986 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú xóm 4, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ

văn hóa 9/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Tống Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; vợ Nguyễn Thị H có 02 con; không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị cáo không có kháng cáo không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Tống Văn L1, sinh năm 1970 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú xóm 4, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Tống Văn S (liệt sỹ) và bà Lương Thị N; chưa có vợ; không có tiền án, tiền sự; nhân thân năm 1992 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp tài sản của công dân”; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Tống Đức H và Tống Văn L1 lợi dụng việc quay xổ số kiến thiết miền Bắc đã có hành vi mua bán số lô, số đề trái phép với nhau. Hình thức chơi đề 02 số, đề 03 số là người mua số lô, số đề trái phép dựa vào hai số cuối và ba số cuối của giải đặc biệt để chơi. Còn đối với hình thức chơi lô tính điểm, lô xiên thì người mua số lô dựa vào hai số cuối của tất cả các kết quả của các giải quay số lô trong ngày để chơi. Mức tiền mua và trả thưởng cụ thể như sau:

- Đề 02 số mức trả thưởng gấp 80 lần, đề 03 số mức trả thưởng gấp 400 lần số tiền của người chơi.

- Lô Hà Nội, 01 điểm lô tương ứng với 23.000 đồng, độ với 27 giải nếu trùng với 02 số cuối của bất kỳ giải nào thì trúng thưởng và được trả 80.000 đồng/01 điểm.

- Lô xiên 2, người chơi mua 02 cặp số mỗi cặp 02 số , so với 02 số cuối của 27 giải, nếu trúng được trả thưởng gấp 10 lần. Lô xiên 3, người chơi mua 03 cặp số mỗi cặp 02 số, so với 02 số cuối của 27 giải nếu trúng được trả thưởng gấp 40 lần.

Khoảng 23 giờ ngày 27/3/2018 Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình phát hiện tại nhà anh Nguyễn Quang L2 sinh năm 1981, địa chỉ xóm 4, thôn V, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trong đó có L2, T3, T4, T5 và H đang đánh “Liêng” được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh Liêng là 2.500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 chiếc điện thoại di động các loại. Kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 thu giữ của Hải có số thuê bao 0985236232 phát hiện ngày 27/3/2018 Hải có nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của Trường để mua các

“số lô” của Trường. Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ và kiểm tra điện thoại di động của nhãn hiệu Iphone 6 của Trường có số thuê bao 0973803266 xác định Trường đã nhiều lần mua bán “số lô, số đề” qua tin nhắn điện thoại với nhiều người, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 08/3/2018 T2 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0919486311 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 10 số lô Hà Nội tương ứng với số tiền 2.300.000 đồng; 4 cặp số lô xiên 2 tương ứng với số tiền là 400.000 đồng. Số tiền T2 đã mua số lô Hà Nội, lô xiên 2 với T1 là 2.700.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày, T2 trúng thưởng tương ứng với số tiền 2.400.000 đồng. Tổng số tiền T2 và T1 sử dụng để mua bán số lô và trúng thưởng ngày 08/3/2018 là **5.100.000 đồng**. T2 và T1 chưa thanh toán cho nhau.

Lần thứ hai: Ngày 09/3/2018 T2 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0919486311 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 06 số lô Hà Nội tương ứng với số tiền 2.760.000 đồng; 02 cặp số lô xiên 2 tương ứng với số tiền là 300.000 đồng. Số tiền T2 đã mua số lô Hà Nội, lô xiên 2 với T1 là 3.060.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày, T2 trúng thưởng tương ứng với số tiền 3.200.000 đồng. Tổng số tiền T2 và T2 sử dụng để mua bán số lô và trúng thưởng ngày 09/3/2018 là **6.260.000 đồng**. T2 và T1 chưa thanh toán cho nhau.

Lần thứ ba: Ngày 15/3/2018 T2 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0919486311 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 06 số lô Hà Nội tương ứng với số tiền 2.760.000 đồng; 03 cặp số lô xiên 2 tương ứng với số tiền là 300.000 đồng, đề 02 số (đầu 8 và đầu 3) tương ứng với số tiền 1.000.000 đồng, 03 số đề 02 số tương ứng với số tiền 60.000 đồng, 02 số đề 03 số tương ứng với số tiền 40.000 đồng. Số tiền T2 đã mua số lô, số đề với Trường là 4.160.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày, T2 trúng thưởng tương ứng với số tiền 1.600.000 đồng. Tổng số tiền T2 và T1 sử dụng để mua bán số lô và trúng thưởng ngày 15/3/2018 là **5.760.000 đồng**. T2 và T1 chưa thanh toán cho nhau.

Lần thứ tư: Ngày 16/3/2018 T2 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0919486311 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 11 số đề 02 số tương ứng với số tiền 110.000 đồng, 6 số lô Hà Nội tương ứng với số tiền 2.760.000 đồng; 02 cặp số lô xiên 2 tương ứng với số tiền là 200.000 đồng, 01 cặp số lô xiên 3 tương ứng với số tiền 100.000 đồng. Số tiền T2 đã mua số lô Hà Nội, lô xiên 2 với T1 là 3.170.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày, T2 trúng thưởng tương ứng với số tiền 5.600.000 đồng. Tổng số tiền T2 và T1 sử dụng để mua bán số lô và trúng thưởng ngày 16/3/2018 là **8.770.000 đồng**. T2 và T1 chưa thanh toán cho nhau.

Lần thứ năm: Ngày 24/3/2018 T2 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 01682082743 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 02 số lô Hà Nội tương ứng với số tiền 2.300.000 đồng; 02 cặp số lô xiên 2 tương ứng với số tiền là

200.000 đồng. Số tiền T2 đã mua số lô Hà Nội, lô xiên 2 với T1 là 2.500.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày, T2 trúng thưởng tương ứng với số tiền 4.000.000 đồng. Tổng số tiền T2 và T1 sử dụng để mua bán số lô và trúng thưởng ngày 24/3/2018 là **6.500.000 đồng**. T2 và T2 chưa thanh toán cho nhau.

Cùng ngày T1 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0973803266 nhắn tin đến số thuê bao 0968360257 của chị V mua 03 số đề 03 số tương ứng với số tiền 100.000 đồng, đề 02 số tương ứng với số tiền 700.000 đồng, tổng số tiền T1 mua số lô, số đề với chị V là **800.000 đồng**. Trong số các số lô, số đề không có số nào trúng thưởng, T1 chưa thanh toán tiền cho chị V.

Như vậy trong ngày 24/3/2018 tổng số tiền T1 mua bán số lô, số đề và trúng thưởng với T2 và chị V là **7.300.000 đồng**.

Lần thứ sáu: Ngày 25/3/2018 L1 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 01665259473 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 02 số lô Hà Nội tương ứng với số tiền 2.300.000 đồng; 04 số đề 02 số tương ứng với số tiền 400.000 đồng. Số tiền L1 đã mua số lô, số đề với T1 là 2.700.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày, L1 trúng thưởng tương ứng với số tiền 4.000.000 đồng. Tổng số tiền L1 và T1 sử dụng để mua bán số lô và trúng thưởng ngày 25/3/2018 là **6.700.000 đồng**. L1 và T1 chưa thanh toán cho nhau.

Cùng ngày T1 sử dụng điện thoại số thuê bao 0973803266 nhắn tin đến số điện thoại 0968360257 của chị V chuyển 04 cặp số đề 02 số tương ứng với số tiền 400.000 đồng (T1 đã bán cho L) và T1 mua của chị V 02 số đề 02 số tương ứng với số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền T1 mua số lô, số đề với chị V là **600.000 đồng**. Trong số các số đề không có số nào trúng thưởng, T1 chưa thanh toán tiền cho chị V.

Như vậy trong ngày 25/3/2018 tổng số tiền T1 mua bán số lô, số đề và trúng thưởng với L1 và chị V là **7.300.000 đồng**.

Lần thứ bảy: Ngày 27/3/2018 Tổng Đức H sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0985236232 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 07 số lô Hà Nội tương ứng với số tiền 2.300.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày, H trúng thưởng tương ứng với số tiền 3.200.000 đồng. Tổng số tiền H và T1 sử dụng để mua bán số lô và trúng thưởng ngày 27/3/2018 là **5.500.000 đồng**. H và T1 chưa thanh toán cho nhau.

Cùng ngày T2 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0919486311 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 05 số lô Hà Nội tương ứng với số tiền là 2.300.000 đồng, 02 cặp lô xiên 2 tương ứng với số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền T2 mua số lô, số đề với T1 là 2.500.000 đồng. Kết quả mở thưởng xổ số cùng ngày T2 trúng thưởng 1.600.000 đồng. Tổng số tiền T2 và T1 sử dụng mua bán số lô, số đề và trúng thưởng là **4.100.000 đồng**, T2 và T1 chưa thanh toán cho nhau.

Cùng ngày L1 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 01665259437 nhắn tin đến số điện thoại 0973803266 của T1 mua 12 số đề 02 số tương ứng với số tiền **1.600.000 đồng**. Trong số các số đề không có số nào trúng thưởng, L1 chưa thanh toán tiền cho T1. Sau đó T1 sử dụng điện thoại di động có số thuê bao 0973803266 nhắn tin đến số điện thoại 0968360257 của chị Viên, chuyển toàn bộ số đề đã bán cho L1 sang cho chị V với tổng số tiền **1.600.000 đồng**, T1 chưa thanh toán tiền cho chị V.

Như vậy trong ngày 27/3/2018 tổng số tiền T1 mua bán số lô, số đề và trúng thưởng với H, T2, L1 và chị V là **12.800.000 đồng**.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ 06 chiếc điện thoại di động các loại và số tiền 6.950.000 đồng do L1 tự nguyện giao nộp, H tự nguyện giao nộp số tiền 7.015.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 02/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2 (tên gọi khác Phạm Văn T2), Tống Đức H, Tống Văn L1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/4/2018; phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T2 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tống Đức H 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt bổ sung 15.000.000 đồng.

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tống Văn L1 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án; phạt bổ sung 15.000.000 đồng.

Giao bị cáo Tống Văn L1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Gia đình bị cáo L1 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/8/2018 bị cáo Tổng Đức H kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 14/8/2018 bị cáo Phạm Ngọc T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 14/8/2018 bị cáo Phạm Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do bản án sơ thẩm tuyên bị cáo mức án 4 năm 06 tháng tù là quá nặng.

Bị cáo Phạm Ngọc T2 xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do bị cáo có mẹ già, bố mất sớm, các con của bị cáo còn đang đi học, sức khỏe bị cáo bị suy giảm do tai nạn lao động bị cáo đứt gân tay, mất ba ngón tay, mỡ não.

Bị cáo Tổng Đức H xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ với lý do hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn mất trái của bị cáo bị khoét bỏ, bị cáo là trụ cột trong gia đình, 02 con còn nhỏ. Bị cáo phạm tội lần đầu, số tiền đánh bạc ít, chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, xét vai trò của các bị cáo trong vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hành vi của các bị cáo trong vụ án có sử dụng điện thoại di động liên lạc với nhau dưới hình thức nhắn tin để mua số lô, số đề nhưng không hình thành nên trò chơi trực tuyến được thua bằng tiền nên không thuộc trường hợp “Sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội”. Bản án sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự để xét xử các bị cáo là chưa chính xác, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Tổng Đức H được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là nặng cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T2; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1 và Tổng Đức H sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình về áp dụng pháp luật và hình phạt để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo T1, T2, H, L1 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm b, c, d khoản 1; khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong vụ án này bị cáo T1 là chủ mưu phạm tội 7 lần, bị cáo T2 phạm tội 5 lần nên phải chịu mức hình phạt tù có thời hạn; các bị cáo H, L1 áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 15 đến 18 tháng tù,

thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/4/2018; phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T2 12 đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt bổ sung 20.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm s (bị cáo L1 áp dụng thêm điểm x; bị cáo H áp dụng thêm điểm i) khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt Tổng Đức H và Tổng Văn L1 mỗi bị cáo từ 9 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 5% thu nhập; phạt bổ sung mỗi bị cáo 15.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Văn T1 và Phạm Ngọc T2 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Tổng Đức H và Tổng Văn L1 xin Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng giảm hình phạt và cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, hứa sẽ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật không tái phạm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2 và Tổng Đức H là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản kiểm tra nội dung các tin nhắn điện thoại liên quan đến việc mua bán số lô, đề và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/3/2018 đến ngày 27/3/2018 bị cáo Phạm Văn T1 đã 07 lần dùng điện thoại di động nhắn tin bán các số lô, số đề cho các bị cáo Phạm Ngọc T2, Tổng Văn L1, Tổng Đức H; tổng số tiền bị cáo sử dụng vào việc bán số lô, đề và trả tiền trúng thưởng lần thấp nhất là 5.100.000 đồng, lần nhiều nhất là 12.800.000 đồng.

Bị cáo Phạm Ngọc T2 từ ngày 08/3/2018 đến ngày 24/3/2018 đã 05 lần sử dụng điện thoại di động nhắn tin đến điện thoại di động của Phạm Văn T1 mua các số lô, đề; số tiền bị cáo sử dụng vào việc mua số lô, đề và tiền trúng thưởng lần thấp nhất là 5.100.000 đồng, lần nhiều nhất là 8.770.000 đồng.

Bị cáo Tổng Văn L1 ngày 25/3/2018 đã 01 lần sử dụng điện thoại di động nhắn tin đến điện thoại di động của Phạm Văn T1 mua các số lô, đề; số tiền bị cáo sử dụng vào việc mua số lô, đề và tiền trúng thưởng là 6.700.000 đồng

Bị cáo Tổng Đức H ngày 27/3/2018 đã 01 lần sử dụng điện thoại di động nhắn tin đến điện thoại di động của Phạm Văn T1 mua các số lô, đề; số tiền bị cáo sử dụng vào việc mua số lô, đề và tiền trúng thưởng là 5.500.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2, Tổng Đức H và Tổng Văn L1 bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2, Tổng Đức H, Tổng Văn L bị bản án sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự để xét xử về tội "Đánh bạc"; qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng công khai, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm và hướng dẫn tại công văn số 196/TANDTC - PC ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321 và điểm c khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự (Công văn phát hành sau khi xét xử sơ thẩm) thì hành vi của các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2, Tổng Đức H, Tổng Văn L sử dụng điện thoại di động liên lạc với nhau dưới hình thức nhắn tin để mua số lô, đề không hình thành nên trò chơi trực tuyến được thua bằng tiền nên không thuộc trường hợp "Sử dụng mạng viễn thông và các phương tiện điện tử để phạm tội", Bản án sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo là không phù hợp và quá nghiêm khắc. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự để xử phạt đối với các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2, Tổng Đức H, Tổng Văn L1 là có căn cứ chấp nhận. Do được áp dụng khung hình phạt giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là tội ít nghiêm trọng bị cáo Tổng Đức H lần đầu phạm tội nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm vì lý do khách quan như đã nêu trên thì các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã được bản án sơ thẩm xem xét áp dụng đầy đủ, đúng pháp luật. Do áp dụng khung hình phạt tăng nặng với các bị cáo không chính xác nên mức hình phạt tù có thời hạn mà bản án sơ thẩm quyết định đối với các bị cáo là nặng; vì vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2, Tổng Đức H để giảm hình phạt cho cả bốn bị cáo theo quy định tại điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[4] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T2 xin được cải tạo tại địa phương Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án bị cáo Thạch giữ vai trò thứ hai, bị cáo đã 05 lần sử dụng điện thoại nhắn tin mua số lô, số đề của bị cáo Trường là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; nhân thân bị cáo đã từng bị kết án về các tội “Trộm cắp tài sản riêng của công dân” và tội “Đánh bạc” đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân thành người lương thiện lại tiếp tục phạm tội; theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo Phạm Ngọc T2 không đủ điều kiện để cho hưởng án treo, do vậy yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo tại địa phương của bị cáo Tổng Đức H; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hải 01 lần mua bán số lô, số đề với bị cáo Trường; số tiền đánh bạc không lớn 5.500.000 đồng, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là tội ít nghiêm trọng, tại cấp phúc thẩm các bị cáo Tổng Đức H được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương với một thời gian thử thách phù hợp dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành người lương thiện.

Số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng bị cáo Tổng Đức H nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số: A A /2013/0001159 ngày 17/10/2018; Số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng bị cáo Phạm Ngọc T2 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số: A A /2013/0001160 ngày 17/10/2018 tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án cho các bị cáo H, T2.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Tổng Đức H được chấp nhận, yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Phạm Ngọc T2 được chấp nhận một phần; Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm b, c, khoản 1; khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T1, Tống Đức H; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc T2 (tên gọi khác Phạm Văn T2). Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HSST ngày 02/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/4/2018; phạt bổ sung 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T2 (tên gọi khác Phạm Văn T2) 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt bổ sung 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tống Đức H 9 (Chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 30/10/2018; phạt bổ sung 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Tống Văn L1 9 (Chín) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/8/2018; phạt bổ sung 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Tống Văn L1, Tống Đức H cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Yê, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án treo và thử thách; gia đình bị cáo Tống Văn L1, Tống Đức H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo; trường hợp bị cáo Tống Văn L1, Tống Đức H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Ghi nhận sự tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng của bị cáo Tống Đức H tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số: A A /2013/0001159 ngày 17/10/2018; Số tiền 7.000.000 (Bảy triệu)

đồng bị cáo Phạm Ngọc T2 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tiền số: AA/2013/0001160 ngày 17/10/2018 tiếp tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo Tổng Đức H, Phạm Ngọc T2.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Ngọc T2, Tổng Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/10/2018./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản)
 - TAND cấp cao tại Hà Nội (1 bản)
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản)
 - VKSND cấp cao (1 bản)
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (2 bản)
 - TAND huyện Y (2 bản)
 - VKSND huyện Y (1 bản)
 - CA huyện Y (1 bản)
 - Chi cục THADS huyện Y (1 bản)
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản)
 - Bị cáo (4 bản)
 - Trại tạm giam (1 bản)
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản)
 - Lưu hồ sơ (2 bản)
 - Lưu tòa (1 bản)
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản)
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành

